

Số: 588 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 26 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 11

Và kế hoạch tháng 12 năm 2015

Nông dân thu hoạch dứt điểm lúa Hè thu 2015 và kết thúc xuống giống vụ Thu đông 2015-2016; các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi không phát sinh; việc chuyển từ tiêm phòng cúm miễn phí sang tiêm phòng có thu phí nên nhân dân chưa hưởng ứng, dẫn đến tiến độ tiêm phòng giảm. Mặn bắt đầu xuất hiện trên sông Cổ Chiên, cao nhất tại vàm Hung Mỹ 3,5‰, phía sông Hậu, cao nhất tại vàm Trà Kha 1,3‰; dịch bệnh trong chăn nuôi xuất hiện tại các tỉnh lân cận gây áp lực cho phát triển chăn nuôi trong tỉnh; thiệt hại thủy sản vẫn còn xuất hiện rải rác, sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác giảm; giá cả các loại vật tư đầu vào tiếp tục đứng ở mức cao. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp và địa phương, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của người dân nên nhìn chung sản xuất có bước phát triển, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện đạt yêu cầu. Kết quả cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Nông nghiệp:

- Cây lúa:

+ Thu hoạch 205 ha lúa Hè Thu, nâng tổng diện tích thu hoạch dứt điểm 77.988 ha, đạt 98,44% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,23 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,15 tấn/ha).

+ Xuống giống 8.066 ha lúa thu Đông – mùa, nâng tổng diện tích xuống giống dứt điểm vụ này 87.740 ha, cao hơn cùng kỳ 1.173 ha; thu hoạch 11.660 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch vụ này đến nay 13.555 ha, năng suất trung bình 5,18 tấn/ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh trong tháng 4.059 ha, tăng 2.308 ha so với tháng trước, chủ yếu là các bệnh đạo ôn lá 2.054 ha, tỷ lệ từ 5-10% tập trung trên giống IR 50504, OM 4900; chuột gây hại 708 ha, tỷ lệ 1-5% xuất hiện rải rác theo các tuyến kênh, bờ đê có nhiều bụi rậm, khu dân cư các huyện Cầu Kè, Châu Thành, Trà Cú; lem lép hạt 533 ha tỷ lệ 10-20%; ngoài ra, còn xuất hiện một số đối tượng như sâu cuốn lá, bạc lá, đom vằn... nhưng với tỷ lệ thấp. Thực hiện 15 mô hình cánh đồng lớn, diện tích 3.553 ha; duy trì mô hình công nghệ sinh thái, bảo vệ môi trường, diện tích 110 ha với 136 hộ tham gia.

+ Vụ Đông Xuân sớm 2015-2016 xuống giống 539 ha, tập trung ở huyện Cầu Kè, hiện lúa đang giai đoạn mạ đến đẻ nhánh.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 4.654 ha, nâng tổng diện tích gieo trồng đến nay 54.840 ha (vụ mùa 25.574 ha), đạt 85,9% kế hoạch cả năm, thấp hơn cùng kỳ 512 ha, cụ thể: Màu lương thực 8.414 ha, màu thực phẩm 30.151 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 16.275 ha.

- Thực hiện 02 mô hình canh đồng mẫu trên cây mía tại xã Lưu Nghiệp Anh và xã Kim Sơn huyện Trà Cú, diện tích 44,65 ha với 68 hộ tham gia, hiện mía đang trong giai đoạn 8,5 - 9 tháng tuổi.

- Hoạt động bệnh xá cây trồng: Tổ chức 02 chuyến khám bệnh lưu động tại huyện Trà Cú và thị xã Duyên Hải, khám bệnh và hướng dẫn nông dân phòng trừ một số bệnh phổ biến trên cây rau màu các loại với 55 nông dân mang mẫu bệnh phẩm đến khám. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay tổ chức khám lưu động 06 chuyến và 256 lượt nông dân được tư vấn trực tiếp qua điện thoại.

- Công tác sản xuất, cung ứng giống: Sản xuất 02 giống lúa nguyên chủng OM 5451 và OM 4900, diện tích 6,6 ha; nhân giống bưởi da xanh, diện tích 06 ha, hiện cây non phát triển bình thường); thực hiện 02 mô hình nhân giống gà, số lượng 420 con (đang trong giai đoạn sinh sản); cung ứng trên 9,7 tấn lúa giống và 395 cây giống các loại. Nâng tổng số đến nay cung ứng 176,4 tấn lúa giống và 7.686 cây giống các loại.

b) Chăn nuôi:

- Các loại dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi tiếp tục được kiểm soát, chỉ xuất hiện một số loại bệnh thông thường với qui mô nhỏ, mức độ thiệt hại không đáng kể.

- Thực hiện tiêm phòng cúm 244 ngàn con gia cầm, tiêm phòng các bệnh thường xuyên 61 ngàn con gia súc; kiểm dịch 245 ngàn con gia cầm, 23 ngàn con gia súc, 64 tấn thịt gia súc và 1,4 triệu quả trứng. Nâng tổng số đến nay tiêm phòng cúm cho 4 triệu gia cầm (gà 1,6 triệu con, đạt 58,5% so tổng đàn điều tra; vịt 2,38 triệu con, vượt 34% so tổng đàn điều tra), LMLM gia súc 70.812 (heo 8.935 con, đạt 2,8%; bò 60.253 con, đạt 38%), tiêm phòng các bệnh thường xuyên 926 ngàn con gia súc (dịch tả 317 ngàn con, đạt 91%; tụ huyết trùng 301 ngàn con, đạt 86%; phó thương hàn 305 ngàn con, đạt 87%), đại chó 5.097 con, đạt 85% KH; các loại vaccine khác 1,4 triệu con; kiểm dịch 2,8 triệu con gia cầm, 150 ngàn con gia súc, 747 tấn thịt gia súc và 19 triệu quả trứng gia.

- Toàn tỉnh có 12 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung hoạt động ổn định, công suất giết mổ gia súc đạt 45,36% và gia cầm đạt 73,12%. Ngành nông nghiệp tiếp tục kết hợp xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch.

- Đã hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ trình UBND tỉnh báo cáo Trung ương ghi vốn thực hiện trong năm 2016. Xây dựng dự thảo Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi năm 2016 gửi Sở Tài chính thẩm tra kinh phí cơ sở hoàn chỉnh trình UBND tỉnh.

c) Lâm nghiệp:

- Thực hiện tía thừa 38 ha rừng giống tại xã Đông Hải huyện Duyên Hải; kiểm tra mô hình trồng bản thử nghiệm khu vực Cồn Vượt xã Hiệp Thạnh; vận

động người dân tiếp tục chăm sóc 272 ha diện tích rừng tập trung trồng mới (doanh nghiệp tư nhân trồng 226 ha); tổ chức 81 lượt tuần tra bảo vệ rừng. Nâng tổng số đến nay tổ chức 775 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 11 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định. Đợt triều cường từ ngày 26 đến 30/10/2015 nước biển dâng cao, kèm sóng lớn làm sạt lở diện tích rừng ven biển, đổ ngã cây rừng, gây thiệt hại 2.610 cây phi lao, (diện tích 01 ha), chiều cao cây trung bình 14m, đường kính 13cm trên địa bàn xã Đông Hải và xã Hiệp Thạnh.

- Xin chủ trương và phân bổ kế hoạch vốn năm 2016 thực hiện dự án đầu tư rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh phục vụ công tác trồng rừng; chủ trương giao đất để xây dựng vườn ươm giống bán ngập tại ấp số 5 xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang.

d) Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 302 ha, thu hoạch 8.694 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 42.342 ha, đạt 92,25% kế hoạch; thu hoạch 85.310 tấn, đạt 70% kế hoạch cả năm, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 19 triệu con tôm chân trắng (31ha), 750 ngàn con cua biển (30,2 ha); thu hoạch 4.506 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 2,18 tỷ con tôm sú giống (20.429 ha), 2,53 tỷ con tôm chân trắng (4.664 ha), 122 triệu con cua biển (12.673 ha), 394 tấn nghêu giống (654 ha). Thu hoạch 44.764 tấn, thấp hơn cùng kỳ 1.120 tấn, trong đó, tôm sú 13.955 tấn, tôm chân trắng 21.765 tấn, cua biển 7.772 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Do thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, gây bệnh hoại tử gan tụy và một số bệnh như phân trắng, đường ruột làm thiệt hại 495 triệu con tôm sú giống (chiếm 22,6%), diện tích 4.616 ha (chiếm 22,5%); 631 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 24,9%), diện tích 1.174 ha (chiếm 25,2%).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 19 triệu con giống, diện tích 242 ha; thu hoạch 4.188 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 265 triệu con giống các loại, diện tích 3.921 ha; thu hoạch 40.546 tấn (thấp hơn cùng kỳ 13.356 tấn), gồm cá lóc 23.138 tấn, cá tra 4.504 tấn, tôm càng xanh 359 tấn, còn lại là các loại khác.

- Khai thác: Toàn tỉnh có 1.190 tàu khai thác đăng ký, tổng công suất 84.927 CV (199 tàu có công suất từ 90 CV trở lên). Sản lượng khai thác trong tháng 5.224 tấn (745 tấn tôm). Lũy kế đến nay 65.852 tấn (10.803 tấn tôm), đạt 79,3% kế hoạch, giảm 10.094 tấn so cùng kỳ, gồm:

+ Khai thác nội đồng: 1.085 tấn (368 tấn tôm). Lũy kế đến nay 10.091 tấn (3.618 tấn tôm), đạt 69,6% kế hoạch, giảm 3.677 tấn so cùng kỳ.

+ Khai thác hải sản: 4.139 tấn (377 tấn tôm). Lũy kế đến nay 55.760 tấn (7.185 tấn tôm), đạt 81,4% kế hoạch, giảm 6.418 tấn so cùng kỳ.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.571 tấn (467 tấn tôm), chế biến 302 tấn, tiêu thụ 753 tấn, kim ngạch xuất khẩu 3,6 triệu USD. Nâng tổng số đến nay thu mua 13.463 tấn thủy sản (5.947 tấn tôm), chế biến 7.585 tấn, tiêu thụ 5.844 tấn, kim ngạch xuất khẩu 28,3 triệu USD.

- Kiểm dịch 2,27 tỷ con tôm giống, cấp 873 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 108 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 18 giấy chứng

nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 88 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 105 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 149 mẫu giáp xác phục vụ nuôi thủy sản.

- Công tác giống: Hoàn thành 04 mô hình sản xuất năm 2015, gồm mô hình sản giống lươn đồng bằng phương pháp bán nhân tạo, nuôi sinh sản và ương giống cá sặc rằn, sản xuất giống cá rô phi đã qua chọn lọc bằng phương pháp xử lý đơn tính, ương cua tiêu lên cua me trong giai lưới. Sản xuất, điều tiết và cung ứng con giống được 1,22 triệu con tôm càng xanh toàn đực, 1,8 triệu con cá lóc giống, 14 triệu con post tôm sú, 10,2 triệu con tôm thẻ chân trắng, 01 triệu con cua biển giống.

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP: Xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt 219 trường hợp xin hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên với số tiền 555,57 triệu đồng.

e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Kết hợp tổ chức 139 cuộc tuyên truyền, vận động 5.087 lượt người dự. Nâng tổng đến nay đã tổ chức 3.359 cuộc tuyên truyền lồng ghép về các tiêu chuẩn áp, hộ nông thôn mới, kế hoạch thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, vận động tham gia bảo hiểm y tế, vệ sinh môi trường cho 104.547 lượt người là hộ dân và đoàn thể; Kết hợp Đài Phát thanh – Truyền hình thực hiện 18 phóng sự về xây dựng nông thôn mới.

+ Kết quả thực hiện nguồn vốn: Huy động 512,82 tỷ đồng, trong đó, vốn hỗ trợ trực tiếp là 89,9 tỷ đồng (ngân sách trung ương 72,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 17 tỷ đồng); vốn lồng ghép 390,25 tỷ đồng; vốn dân đóng góp 32,67 tỷ đồng để thực hiện đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất cho 17 xã điểm, xây dựng 43,32 km đường giao thông nông thôn, đầu tư xây dựng các công trình nhà văn hóa xã, sân bóng đá, nâng cấp trạm y tế xã... Kết quả giải ngân vốn hỗ trợ trực tiếp cho chương trình là 56,2 tỷ đồng, đạt 62,5%.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về nông thôn mới: Có 19 xã đạt 19 tiêu chí; 05 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 46 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 15 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí.

- Chương trình bố trí dân cư:

+ Tiếp tục triển khai thực hiện 03 dự án, gồm: Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông thị trấn Tiểu Cần; Di dân sạt lở áp Cồn Phụng xã Long Hòa.

+ Công tác di dời dân: Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đại Phước trình phê duyệt danh sách các hộ dân di dời vào vùng dự án.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Triển khai thực hiện 12 dự án, gồm 08 dự án đầu tư xây dựng cơ bản (hoàn thành 05 dự án; đang thực hiện 04 dự án, khối lượng thực hiện đạt từ 90-96%) và 04 dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp. Lắp đặt cho 532 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nâng tổng số từ đầu chương trình đến nay lắp đặt cho 78.471 hộ sử dụng nước máy; giải ngân nguồn vốn đầu tư 20,25 tỷ đồng, đạt 99,9% kế hoạch và 1,45 tỷ đồng thuộc nguồn vốn sự nghiệp, đạt 36,3% kế hoạch.

- Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: Tổ chức khai giảng 08 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho 470 lao động nông thôn. Lũy kế đến nay tổ được 51 lớp cho 1.545 lao động nông thôn, với các nghề như kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, tạo dáng cây cảnh...

2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch:

- Quy hoạch lập mới: Tổ chức lấy ý kiến 02 Quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và Rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp và nuôi trồng thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Chuẩn bị trình Hội đồng thẩm định quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

b) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Tham mưu UBND tỉnh Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015- 2020.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Kết hợp địa phương thực hiện 36 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 29.348m, khối lượng đất đào đắp 151.333 m³. Lũy kế đến nay thực hiện 523 công trình, chiều dài 413.494 m, khối lượng 1,46 triệu m³, vượt 5,8% kế hoạch.

- Phối hợp với địa phương khảo sát vị trí sạt lở đê sông Cổ Chiên tại ấp Hải Thủ, xã Long Hòa để chuẩn bị công tác gia cố; tổ chức thi công sửa chữa các cầu trên tuyến đê sông Cổ Chiên, xã Long Hòa.

- Tổ chức 14 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 04 trường hợp vi phạm. Lũy kế đến nay thực hiện 171 đợt khảo sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý 36 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê và buộc khôi phục lại hiện trạng.

- Tham gia nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng 14 công trình thủy lợi phục vụ sản xuất; đôn đốc các địa phương báo cáo tổng kết tình hình thực hiện thủy lợi nội đồng năm 2015 và xây dựng kế hoạch năm 2016.

d) Công tác xây dựng cơ bản:

Triển khai thực hiện 19 dự án, trong đó hoàn thành 01 dự án, 12 dự án chuyên tiếp, 04 dự án khởi công mới, 02 dự án chuẩn bị đầu tư, cụ thể: 09 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 05 công trình đê, kè; 01 công trình phục vụ trồng màu; 02 công trình dân dụng, 02 công trình chống xói lở trồng cây ngăn bảo vệ đê; giải ngân 14,45 tỷ đồng, lũy kế đến nay giải ngân 234,45 tỷ đồng đạt 59,3% kế hoạch vốn phân bổ trong năm 2015.

e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất: Tổ chức 04 lớp tập huấn củng cố tổ hợp tác (THT); 02 lớp củng cố và hướng dẫn lập mới hợp tác xã (HTX). Nâng tổng số đến nay tổ chức 21 lớp củng cố THT; 14 lớp củng cố HTX, hướng dẫn thành lập mới HTX (06 lớp thành lập mới).

f) Công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP), quản lý tàu cá và thanh tra, kiểm tra:

- Quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm: Kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) đối với 28 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản và tàu cá, cấp 10 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; đánh giá phân loại 63 tàu cá, cơ sở giết mổ động vật, sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thủy sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản và muối; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 34 mẫu thủy sản. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATTP 91 tàu cá, 305 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; cấp 120 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; đánh giá phân loại 91 tàu cá, 684 cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, thủy sản, kết quả xếp loại có 276 loại A, 272 loại B, 154 loại C, 73 cơ sở, tàu cá ngưng hoạt động; thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 602 mẫu (100 mẫu nông sản, 502 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 21 tàu, đăng ký 11 tàu, xóa bộ 03 tàu; cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá 10 trường hợp, cấp 25 sổ danh bạ (103 thuyền viên), cấp 57 giấy phép khai thác thủy sản, cấp 41 giấy phép khai thác thủy sản, 01 giấy chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 565 tàu (19 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 119 tàu, xóa bộ 44 tàu; cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá 89 trường hợp, cấp 245 sổ danh bạ (1.045 thuyền viên), cấp 484 giấy phép khai thác thủy sản, 180 giấy chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường EU.

+ Tổ chức thu phí 1.019 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.404 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 78,5 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay tổ chức thu phí 12.741 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 13.725 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 734 triệu đồng.

- Thanh tra, kiểm tra:

+ Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 43 lớp tuyên truyền, phổ biến các qui định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chính sách về xây dựng và phát triển tổ hợp tác trên biển, quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP), phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho 1.638 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 253 lớp tuyên truyền, phổ biến các qui định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, hóa chất, chế phẩm dùng trong nuôi thủy sản, quy phạm thực hành nuôi thủy sản tốt (VietGAP), một số chính sách phát triển thủy sản, chính sách xây dựng và phát triển tổ hợp tác trên biển cho 8.416 lượt người.

+ Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực thú y thủy sản và giống thủy sản, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý tàu cá đối với 25 cơ sở, 09 tàu cá và 36 phương tiện vận chuyển giống thủy sản; thu, phân tích 26 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; xử lý 04 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay thanh tra, kiểm tra 161 cơ sở sản xuất, ương dưỡng cây giống, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, giống thủy sản, vật tư nông nghiệp; 308 phương tiện vận chuyển giống thủy sản và 335 tàu cá; thu 159 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc

thú y, thuốc BVTV, phân bón, giống lúa, nguyên liệu thủy sản kiểm tra chất lượng; xử lý 81 trường hợp vi phạm.

g) Công tác phát triển khoa học công nghệ và khuyến nông:

- Thực hiện khảo nghiệm và chọn dòng phân ly 03 bộ giống lúa (bộ triển vọng, phẩm chất, Trà Vinh) vụ Thu Đông, diện tích 0,2 ha nhằm chọn giống có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh để khuyến cáo nhân rộng; khảo nghiệm bưởi da xanh trồng xen dứa, diện tích 0,7 ha (230 cây bưởi trồng xen 40 cây dứa), hiện đang phát triển tốt.

- Tổ chức 17 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật canh tác lúa cao sản, trồng nấm bào ngư và nấm chân dài, kỹ thuật trồng các loại rau màu, kỹ thuật chăn nuôi heo, chăn nuôi bò, chăn nuôi gà, kỹ thuật nuôi cá lóc cho 521 lượt người; phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp tư vấn cho 640 lượt hộ. Nâng tổng số đến nay tổ chức 308 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản và tuyên truyền xây dựng công trình khí sinh học cho 8.971 lượt người (trồng trọt 2.476 người, chăn nuôi 2.673 người, thủy sản 3.278 người, khí sinh học 544 người); phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp tư vấn cho 11.121 lượt hộ (trồng trọt 3.121 lượt hộ; chăn nuôi 1.258 lượt hộ; thủy sản 6.742 lượt hộ).

- Xây dựng 73 công trình khí sinh học. Nâng tổng số đến nay xây dựng được 280 công trình, góp phần giảm ô nhiễm môi trường và tạo ra chất đốt phục vụ sinh hoạt gia đình.

- Tổ chức 06 cuộc tham quan, tổng kết mô hình xây dựng hệ thống máy sấy lúa tại huyện Càng Long và Trà Cú, mô hình trồng lan cắt cành tại thành phố Trà Vinh, mô hình chăn nuôi vịt biển thích ứng với biến đổi khí hậu tại xã Mỹ Long Nam, với 340 người dự. Nâng tổng số đến nay tổ chức 19 cuộc tham quan, tổng kết mô hình với 747 lượt người dự.

- Thực hiện các mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản như: Trồng thanh long ruột tím hồng; trồng lan cắt cành; nuôi kết hợp tôm sú – cá rô phi; nuôi ếch thương phẩm trong vèo kết hợp nuôi cá hồng; nuôi hàu treo giàn bè trên sông; cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo; chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học có bổ sung men vi sinh hoạt tính trong thức ăn; chăn nuôi vịt biển thích ứng với biến đổi khí hậu.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Vụ Hè thu xuống giống kéo dài làm ảnh hưởng đến vụ Thu đông – mùa và Đông xuân 2015-2016; diện tích nhiễm sâu bệnh tăng so với tháng trước, đặc biệt là bệnh đạo ôn lá, nguyên nhân do thời tiết nóng, ẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh này phát triển;

- Nuôi thủy sản không thuận lợi, sản lượng hải sản khai thác giảm, tàu năm bờ nhiều làm tổng sản lượng giảm mạnh so cùng kỳ;

- Việc triển khai thực hiện Quyết định 62 về liên kết xây dựng cánh đồng lớn còn chậm so với kế hoạch;

- Nhiều doanh nghiệp xin chủ trương đầu tư chăn nuôi, tuy nhiên nhập con giống về tỉnh còn chậm;

- Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và thức ăn chăn nuôi còn nhiều; đồng thời, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm đặc biệt là các sản phẩm thủy sản khô chưa được khắc phục.

2. Nguyên nhân:

- Một số nông dân không tuân thủ theo lịch thời vụ đã khuyến cáo, xuống giống kéo dài, gây khó khăn cho công tác quản lý của ngành.

- Điều kiện thời tiết không thuận lợi, nông dân không tuân thủ quy trình xử lý ao nuôi mà cung cấp nước trực tiếp hoặc xả ngay ra môi trường tự nhiên dẫn đến thiệt hại; giá nguyên vật liệu phục vụ khai thác thủy, hải sản đứng ở mức cao, sản lượng tôm, cá gần bờ giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi;

- Một số địa phương chưa quyết liệt trong công tác phòng chống dịch bệnh, nên khả năng xảy ra dịch bệnh là rất lớn, đặc biệt là thời điểm giao mùa; việc chuyển từ tiêm phòng cúm gia cầm miễn phí sang có thu phí chưa được người chăn nuôi hưởng ứng;

- Việc tuyên truyền, quản lý chất lượng tư tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 12

1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Cây lúa: Tập trung chỉ đạo, hướng dân nông dân chăm sóc, thu diện tích lúa Thu Đông – mùa còn lại trên đồng, đồng thời chuẩn bị tốt các điều kiện (vệ sinh đồng ruộng, thời gian cách ly giữa 2 vụ...) phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2015-2016, tuyệt đối không kéo dài; liên kết các doanh nghiệp xây dựng phương án tổ chức triển khai thực hiện cánh đồng lớn theo kế hoạch.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Triển khai kế hoạch trồng màu năm 2016, trong đó quan tâm chỉ đạo trồng màu vụ Đông Xuân, thống kê diện tích màu phục vụ Tết nguyên đán 2016. Tiếp tục theo dõi mô hình cánh đồng mẫu trên cây mía.

- Chăn nuôi: Tập trung công tác phòng, chống dịch bệnh đàn vật nuôi trong thời điểm giao mùa. Vận động hộ chăn nuôi chủ động thực hiện tiêm phòng các loại vaccine như cúm gia cầm, LMLM gia súc, tai xanh heo và các bệnh thường xuyên khác. Thực hiện kế hoạch bắt chó thả rông năm 2015 và tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 2 năm 2015.

b) Lâm nghiệp: Tổng kết công tác trồng rừng năm 2015, xây dựng kế hoạch trồng rừng năm 2016; tiếp tục triển khai thực hiện tái thả rừng giống ấp Phước Thiện, xã Đông Hải; tổ chức tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã.

c) Thủy sản: Kết hợp các địa phương hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2015 và cải tạo ao hồ chuẩn bị tốt cho niên vụ năm 2016; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh, sản xuất, vận chuyển giống thủy sản, thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi; củng cố các tổ, đội khai thác trên biển, khuyến khích khai thác xa bờ; hướng dẫn ngư dân hoàn chỉnh các thủ tục để được hỗ trợ theo Nghị định 67 của Chính Phủ.

d) Phát triển nông thôn:

- Công tác xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục kiểm tra 07 xã (Châu Điền, Ninh Thới huyện Cầu Kè; Kim Hòa huyện Cầu Ngang; Tân Bình, Mỹ Cẩm huyện Càng Long; Ngọc Biên huyện Trà Cú; Hiếu Từ huyện Tiểu Cần), phấn đấu cuối năm công nhận xã nông thôn mới. Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện giải ngân các nguồn vốn. Hoàn chỉnh tài liệu tuyên truyền, in ấn cấp phát cho địa phương; tiếp tục triển khai tập huấn các chuyên đề về xây dựng nông thôn mới năm 2015; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Các Dự án di dân: Tiếp tục triển khai thực hiện 03 dự án gồm di khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông thị trấn Tiểu Cần; Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa. Triển khai kế hoạch và kiểm tra tiến độ xây dựng nhà của 09 hộ dân di dời vào vùng dự án; cấp tiền di dời 20 triệu đồng/hộ.

- Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất: Ký kết và theo dõi thực hiện quy chế phối hợp việc thực hiện công tác quản lý Nhà nước chuyên ngành đối với các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Duyên Hải và Cầu Ngang; tổ chức 07 lớp tập huấn củng cố THT, 01 lớp thành lập mới THT tại các huyện Tiểu Cần, Trà Cú, Duyên Hải và thành phố Trà Vinh; phối hợp Liên Minh HTX tỉnh tập huấn 01 lớp thành lập mới HTX tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành.

3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện. /.

Nơi nhận:

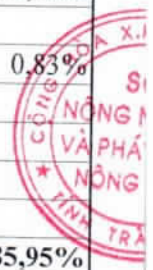
- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Ngọc Hải

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 11 NĂM 2015**

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
1	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	222.147	229.807	12.384	221.804	99,85%	96,52%
1.1.	Cây lương thực có hạt	Ha	172.219	173.150	8.627	172.470	100,15%	99,61%
	Cây lúa	Ha	166.795	166.000	8.066	166.964	100,10%	101%
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	ha	80.228	77.000		79.224	98,75%	102,89%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	80.102	77.000	205	77.988	97,36%	101,28%
	- Năng suất	Tạ/ha	50,81	53,50	46,17	52,32	102,98%	97,80%
	- Sản lượng	tấn	407.007	411.950	948	408.065	100,26%	99,06%
	Vụ Thu Đông-mùa 2015							
	- DT gieo sạ	ha	86.567	89.000	8.066	87.740	101,36%	98,58%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	7.710	89.000	11.660	13.555	175,81%	15,23%
	- Năng suất	Tạ/ha	51,8	54,20	5,14	51,81	100,03%	95,60%
	- Sản lượng	tấn	39.941	482.380	59.950	70.233	175,84%	14,56%
	Vụ Đông Xuân 2015-2016							
	- DT gieo sạ	ha	729	65.000	539	539	73,94%	0,83%
	- Diện tích thu hoạch	Ha		65.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		67,00				
	- Sản lượng	tấn		435.499				
	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	55.352	63.807	4.318	54.840	99,07%	85,95%
	Diện tích thu hoạch	Ha	44.570	63.807	2.676	43.720	98,09%	68,52%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5.424	7.150	561	5.506	101,50%	77,00%
	- Diện tích thu hoạch	"	4.035	7.150	364	4.171	103,37%	58,34%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,80	54,50	56,4	56,72	103,50%	104,07%
	- Sản lượng	Tấn	22.112	38.968	2.053	23.658	106,99%	60,71%
1.2.	Cây có củ	Ha	3.169	3.387	208	2.908	91,77%	85,87%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.516	1.516	122	1.353	89,24%	89,26%
	+ Diện tích thu hoạch	"	972	1.516	34	933	95,97%	61,53%
	+ Năng suất	Tạ/ha	164,43	165,49	152,4	173,09	105,27%	104,59%
	+ Sản lượng	Tấn	15.983	25.089	518	16.146	101,02%	64,35%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.079	1.071	39	1.013	93,90%	94,59%
	+ Diện tích thu hoạch	"	621	1.071	16	618	99,59%	57,75%
	+ Năng suất	Tạ/ha	159	143,19	158,8	162,8	102,20%	113,69%
	+ Sản lượng	Tấn	9.893	15.336	254	10.069	101,78%	65,65%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	574	800	47	542	94,47%	67,75%
	+ Diện tích thu hoạch	"	411	800	31	404	98,30%	50,50%
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	30.647	36.230	2.090	30.151	98,38%	83,22%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	29.937	35.430	2.036	29.310	97,90%	82,73%
	+ Diện tích thu hoạch	"	24.366	35.430	1.704	23.529	96,56%	66,41%
	+ Năng suất	Tạ/ha	215,1	223,00	223,2	223,1	103,74%	100,04%



Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Sản lượng	Tấn	523.991	790.089	38.035	524.897	100,17%	66,44%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	710	800	54	842	118,61%	105,20%
	+ Diện tích thu hoạch	"	597	800	12	711	119,11%	88,89%
	+ Năng suất	Tạ/ha	17,2	16,50	17,5	16,8	97,67%	101,82%
	+ Sản lượng	Tấn	1.027	1.320	21	1.195	116,34%	90,50%
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		16.112	17.040	1.460	16.275	101,01%	95,51%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.615	5.640	113	4.449	96,41%	78,89%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.952	5.640	25	3.938	99,64%	69,82%
	+ Năng suất	Tạ/ha	50,6	53,75	52,5	53,2	105,13%	99,04%
	+ Sản lượng	Tấn	20.013	30.315	132	20.963	104,75%	69,15%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	6.639	6.300	-	5.941	89,48%	94,30%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	6.112	6.300	79	5.602	91,65%	88,92%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.078	1.120	1.104	1.093	101,41%	97,60%
	+ Sản lượng	Tấn	658.874	705.600	8.760	612.355	92,94%	86,79%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.517	2.800	109	2.384	94,71%	85,13%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.789	2.800	105	1.628	91,00%	58,14%
	+ Năng suất	Tạ/ha	99,5	98,00	104,10	106,4	106,95%	108,59%
	+ Sản lượng	Tấn	17.801	27.440	1.093	17.325	97,33%	63,14%
	Cây trồng khác	"						
	DT gieo trồng	ha	2.342	2.300	1.238	3.501	149,51%	152,21%
	DT thu hoạch	ha	1.715	2.300	306	2.187	127,52%	95,09%
2	Cây lâu năm							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha	120	130		272	226,67%	209,23%
	<i>Trong đó:</i>							
	- Rừng phòng hộ	"	120	130		272	226,67%	209,23%
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	385	314		274	71,17%	87,26%
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha	45	25		25	55,56%	100,00%
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha	4.119	4.793		4.943	120,01%	103,13%
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	127	670		91	71,65%	13,58%
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	<i>Trong đó: Gỗ rừng trồng</i>	"						
C	DIỆM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	44.951	45.900	302	42.342	94,20%	92,25%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	4.026	5.000	242	3.921	97,39%	78,42%
	- Diện tích nuôi cá	"	2.795,26	3.500	242	2.660,02	95,16%	76,00%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	15,94	40	-	10,35	64,93%	25,88%
	+ Cá lóc	"	258,48	290	34	250,44	96,89%	86,36%

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.191	1.500	-	1.261	105,88%	84,07%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.191	1.500	-	1.261	105,88%	84,07%
	- Diện tích nuôi khác	"	39,7		0	0	0,00%	
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	40.925	40.900	61	38.421	93,88%	93,94%
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	40.173	38.700,0	61,0	37.767	94,01%	97,59%
	Trong đó: + Tôm sú	"	19.413	19.900	-	20.429	105,23%	102,66%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	5.151	5.000	31	4.664	90,55%	93,29%
	+ Cua biển	"	15.610	13.800	30	12.673	81,18%	91,83%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	752	2.200	-	654	86,97%	29,73%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống SX	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	175.732	204.925	13.918	151.161	86,02%	73,76%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	99.787	121.925	8.694	85.310	85,49%	69,97%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	53.902	65.500	4.188	40.546	75,22%	61,90%
	- Sản lượng cá	"	53.285	65.000	4.147	40.049	75,16%	61,61%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	6.969	15.500	300	4.504	64,63%	29,06%
	+ Cá lóc	"	25.927	29.500	2.549	23.139		78,44%
	- Sản lượng giáp xác	"	382	500	16	359	94,04%	71,84%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	382	500	16	359	94,04%	71,84%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	235		25	137	58,36%	
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	45.884,0	56.425	4.506	44.764	97,56%	79,33%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	44.923	50.425	4.334	43.491	96,81%	86,25%
	Trong đó: + Tôm sú	"	13.447	14.925	1.475	13.955	103,78%	93,50%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	23.197	25.500	2.078	21.765	93,83%	85,35%
	+ Nuôi cua biển	"	8.280	10.000	780	7.772	93,86%	77,72%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	961	6.000	172	1.273	132,47%	21,22%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	75.946	83.000	5.224	65.852	86,71%	79,34%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	62.178	68.500	4.139	55.760	89,68%	81,40%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	25.125	27.000	1.426	23.011	91,59%	85,23%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	9.690	8.500	377	7.185	74,15%	84,53%
	Trong đó: - Tôm...	"	9.690		377	7.185	74,15%	
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	27.363	33.000	2.336	25.564	93,43%	77,47%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	13.768	14.500	1.085	10.091	73,29%	69,59%
	<i>Trong đó:</i> - Cá các loại	"	6.336	6.800	459	4.531	71,51%	66,63%
	- Tôm các loại	"	4.532	4.700	368	3.618	79,84%	76,99%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	2.901	3.000	259	1.942	66,93%	64,72%